TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 31 - 10 - 2019.
V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Danh Thị T; sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Trung H; sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 01/8/2019 nguyên đơn bà Danh Thị T trình bày: Bà T và ông Huỳnh Trung H tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 26/01/2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vào tháng 6/2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên thường xuyên cải vã qua lại và ông H dùng bạo lực đối với bà T, đến tháng 6/2016 bà T và ông H sống ly thân cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà T và ông H có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà T và ông H không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Danh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Trung H; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà T không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Huỳnh Trung H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H, nhưng ông H không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Huỳnh Trung H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Huỳnh Trung H chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Danh Thị T và ông Huỳnh Trung H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Danh Thị T; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Huỳnh Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Danh Thị T và ông Huỳnh Trung H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 26/01/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T cho rằng nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên thường xuyên cải vã qua lại và ông H dùng bạo lực đối với bà T nên cuộc sống không còn hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà T và ông H có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà T và ông H đoàn tụ với nhau nhưng ông H vẫn vắng mặt và bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông H vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà T và ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà T xin ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại

khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà Danh Thị T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông Huỳnh Trung H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Danh Thị T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Huỳnh Trung H không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Danh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Trung H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Trung H.

1.2. Về con chung: Bà Danh Thị T xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Danh Thị T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Danh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009276 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Danh Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Trung H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung